



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG**

# Báo cáo thường niên Năm 2016

Công ty cổ phần Chứng khoán Hải Phòng  
[www.haseco.vn](http://www.haseco.vn)

## MỤC LỤC

|   |           |
|---|-----------|
| <b>I THÔNG TIN CHUNG</b> .....  | <b>2</b>  |
| <b>1 Thông tin khái quát</b> .....  | <b>2</b>  |
| <b>2 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh</b> .....                                   | <b>2</b>  |
| 2.1 Ngành nghề kinh doanh .....   | 2         |
| 2.2 Địa bàn kinh doanh .....  | 2         |
| <b>3 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức KD và bộ máy quản lý</b> .....        | <b>2</b>  |
| 3.1 Mô hình quản trị .....  | 2         |
| 3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý .....   | 3         |
| <b>4 Định hướng phát triển</b> .....  | <b>4</b>  |
| <b>II TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....                                   | <b>4</b>  |
| <b>1 Tình hình hoạt động kinh doanh</b> .....                                     | <b>4</b>  |
| 1.1 Tình hình kinh tế vĩ mô .....   | 4         |
| 1.2 Bối cảnh Công ty .....  | 4         |
| 1.3 Kết quả hoạt động kinh doanh .....  | 5         |
| <b>2 Tổ chức, nhân sự</b> .....   | <b>5</b>  |
| <b>3 Tình hình tài chính</b> .....  | <b>13</b> |
| <b>4 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu</b> .....                 | <b>14</b> |
| <b>III BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b> .....                             | <b>14</b> |
| <b>1 Hoạt động môi giới</b> .....   | <b>14</b> |
| <b>2 Hoạt động đầu tư</b> .....   | <b>15</b> |
| <b>3 Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp</b> .....                            | <b>15</b> |
| <b>4 Duy trì xây dựng hệ thống</b> .....  | <b>16</b> |
| <b>5 Những vấn đề còn tồn tại</b> .....   | <b>16</b> |
| <b>IV ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....                        | <b>16</b> |
| <b>1 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động</b> .....                        | <b>16</b> |
| <b>2 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc</b> .....       | <b>17</b> |
| <b>3 Các kế hoạch định hướng phát triển</b> .....                                 | <b>17</b> |
| <b>V QUẢN TRỊ CÔNG TY</b> .....   | <b>19</b> |
| <b>1 Hội đồng quản trị</b> .....  | <b>19</b> |
| 1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị .....                              | 19        |
| 1.2 Hoạt động của Hội đồng quản trị .....   | 22        |
| <b>2 Ban kiểm soát</b> .....  | <b>22</b> |
| 2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát .....                                  | 22        |
| 2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát .....   | 24        |
| <b>3 Các giao dịch của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát</b> ..... | <b>25</b> |
| <b>VI BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b> .....   | <b>25</b> |
| <b>1 Ý kiến kiểm toán</b> .....   | <b>25</b> |
| <b>2 Bảng cân đối kế toán</b> .....   | <b>27</b> |
| <b>3 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b> .....                               | <b>30</b> |
| <b>4 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b> .....   | <b>32</b> |

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát

- **Tên Công ty:** CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG
- Tên tiếng Anh: HAIPHONG SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
- Giấy CNĐKKD: Số 119/UBCK-GP do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 11 năm 2015.
- **Vốn điều lệ:** 291.810.960.000 đồng
- **Vốn đầu tư của chủ sở hữu:** 291.810.960.000 đồng
- **Trụ sở chính:** 24 Cù Chính Lan, Hồng Bàng, Hải phòng
- Điện thoại: (84 - 31)3 842332/3 842335
- Fax: (84 - 31)3 746266
- Email: [haseco@haseco.vn](mailto:haseco@haseco.vn)
- Website: [www.haseco.vn](http://www.haseco.vn)
- **Quá trình hình thành và phát triển**
- + Ngày 23-11-2015: HASECO được cấp giấy phép thành lập và hoạt động
- + Ngày 23-11-2015: HASECO thành lập Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
- + Ngày 23-11-2015: HASECO thành lập Chi nhánh Hà Nội
- + Ngày 23-11-2015: HASECO là thành viên của Sở GDCK Hồ Chí Minh
- + Ngày 23-11-2015: HASECO là thành viên của Sở GDCK Hà Nội
- + Ngày 18-10-2016: Cổ phiếu HAC của HASECO chính thức đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM.

### 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

#### 2.1 Ngành nghề KD:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Và những nghiệp vụ được phép khác khác như Lưu ký chứng khoán; Tư vấn tài chính doanh nghiệp;...

#### 2.2 Địa bàn kinh doanh:

- Trụ sở chính: Số 24 – Cù Chính Lan – Hồng Bàng – TP.Hải Phòng.
- Chi nhánh Hà Nội: Số 04 Tôn Thất Tùng – Đống Đa – Hà Nội
- Chi nhánh HCM: 328 Võ Văn Kiệt – Quận 1 – TP. Hồ Chí Minh.

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

#### 3.1 Mô hình quản trị:

- Mô hình quản trị doanh nghiệp bao gồm: Đại hội Đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Giám đốc Khối chức năng.

Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám

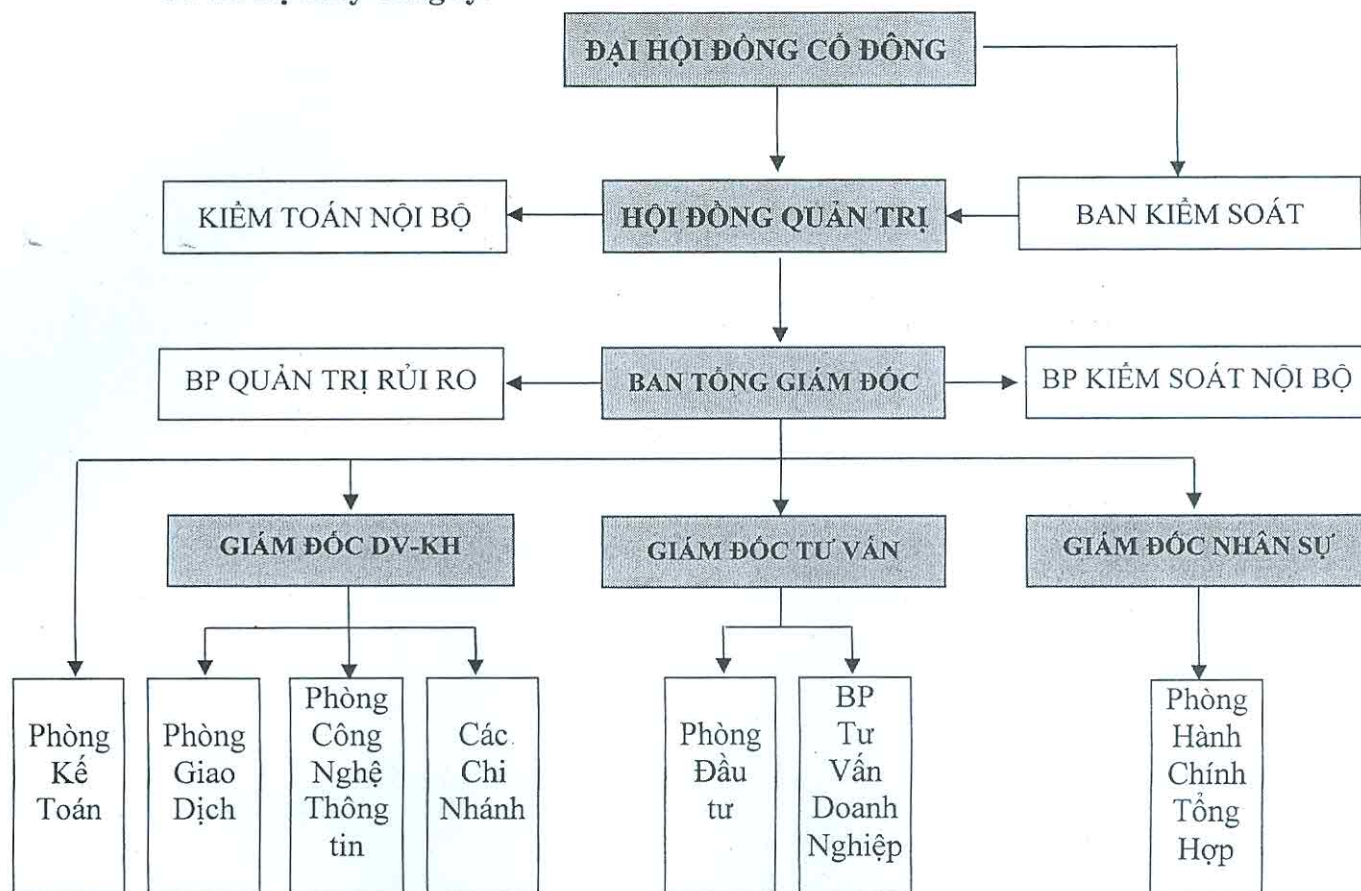
độc quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của khối thông qua Giám đốc phụ trách khối.

### 3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Công ty cổ phần chứng khoán Hải Phòng được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp 2014, luật chứng khoán và các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty. Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua là cơ sở chi phối cho mọi hoạt động của Công ty.

#### Cơ cấu bộ máy quản lý công ty:

- **Đại hội đồng cổ đông:** Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư dài hạn trong việc phát triển Công ty, quyết định cơ cấu vốn, bầu ra cơ quan quản trị và kiểm soát việc kinh doanh của Công ty.
- **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản trị Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc ĐHĐCĐ quyết định. Định hướng các chính sách tồn tại và phát triển để thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hoạch định chính sách, ra nghị quyết hành động cho từng thời điểm phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- **Ban kiểm soát:** Do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.
- **Ban điều hành:** Do HĐQT bổ nhiệm gồm có Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc các giám đốc khối và kế toán trưởng. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT, quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty.
- **Sơ đồ bộ máy công ty:**



CỔ ĐÔNG HẢI PHÒNG

#### 4. Định hướng phát triển

- Mục tiêu chủ yếu của Công ty đến năm 2020:

Đảm bảo kinh doanh có lãi để chia cổ tức cho cổ đông từ 5 đến 10% /năm. Thể hiện xu thế phát triển ổn định và tăng trưởng của Công ty.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Xây dựng kế hoạch tăng trưởng Doanh thu 20% hàng năm .Lợi nhuận sau thuế tăng 20% hàng năm. Trên cơ sở đẩy mạnh doanh thu truyền thống và gia tăng các dịch vụ tài chính khác.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

### 1. Tình hình hoạt động kinh doanh

#### 1.1. Tình hình kinh tế vĩ mô

Các chỉ báo cho thấy khá rõ tăng trưởng kinh tế Việt Nam giảm tốc trong năm 2016. Trong bối cảnh cầu tiêu dùng và cầu đầu tư nội địa chưa có sự bứt phá, động lực tăng trưởng trong thời gian qua vẫn phụ thuộc nhiều vào khối FDI, khai thác tài nguyên thiên nhiên và đầu tư công. Theo đó, khi gặp những diễn biến bất lợi trên thị trường thế giới kết hợp với việc giải ngân ngân sách gặp một số vướng mắc, việc tăng trưởng kinh tế chậm lại là khó tránh khỏi, cụ thể:

- Khác biệt so với năm 2015, trong năm 2016, thay vì là động lực cho tăng trưởng, sự thu hẹp của ngành Khai khoáng có thể xem như một trong những nguyên nhân chính khiến tăng trưởng toàn nền kinh tế giảm tốc. Cụ thể, Chỉ số ngành này trong năm 2016 giảm khoảng 6,3% so với năm 2015. Sản lượng dầu thô tiếp tục ghi nhận mức giảm sâu 10% so với cùng kỳ năm trước. Sự sụt giảm của ngành Khai khoáng đã khiến mức tăng chung của toàn ngành Công nghiệp giảm khoảng 1,3 điểm phần trăm
- Tăng trưởng kinh tế Việt Nam phụ thuộc lớn vào xuất khẩu, tỷ lệ xuất khẩu/GDP tăng nhanh qua từng năm và ước tính năm 2016 ở mức trên 85%. Với việc khối FDI đóng góp hơn 70% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam trong năm 2016, các doanh nghiệp này tiếp tục khẳng định vị trí quan trọng trong việc hỗ trợ và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Việt Nam.
- Trong năm 2016 FDI đăng ký có xu hướng giảm, xét một cách tổng thể, với việc khối FDI chiếm tỷ trọng và đóng góp lớn cho tăng trưởng kinh tế, sự suy yếu về tăng trưởng của dòng vốn FDI rất cần được lưu tâm do có thể ảnh hưởng đến tiềm năng tăng trưởng trong tương lai, đặc biệt trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động về chính trị kèm theo chính sách bảo hộ thương mại có thể được tăng cường. FDI thực hiện ước đạt 14,3 tỷ USD, tăng 8,3%, thấp hơn đáng kể so với mức tăng 17,9% của cùng kỳ 2015.
- Thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2016, sau khởi đầu có phần trầm lắng trong Q1/2016, nhóm vốn hóa lớn đã trở lại vai trò dẫn dắt thị trường. Sự phân hóa trở nên rõ nét trong nửa cuối năm khi nhóm vốn hóa trung bình và nhỏ dần chững lại. Xu hướng trong năm 2015 được duy trì khi nhóm vốn hóa lớn vẫn là tâm điểm thu hút dòng tiền. Giai đoạn nửa đầu năm 2016 chứng kiến sự bứt phá từ các cổ phiếu vốn hóa trung bình được hưởng lợi trực tiếp từ các yếu tố cơ bản như giá hàng hóa phục hồi, hoạt động nới room, thoái vốn. Các tháng cuối năm 2016, xu hướng đầu tư trên thị trường tiếp tục chuyển dịch từ các cổ phiếu mang yếu tố đầu cơ sang nhóm cổ phiếu cơ bản, đà tăng tại nhóm vốn hóa lớn còn nhận được sự hỗ trợ quan trọng từ hoạt động niêm yết mới của một số doanh nghiệp lớn.

#### 1.2. Bối cảnh Công ty

- Cuối năm 2015 được sự nhất trí của Nhà đầu tư và sự ủng hộ của các cơ quan quản lý nhà nước, Công ty đã tiến hành hợp nhất với Công ty cổ phần Chứng khoán Á Âu với mục tiêu hình thành một Công ty mới có tình hình tài chính lành mạnh hơn, hoạt động hiệu quả hơn và không còn lỗ lũy kế.
- Ngày 23/11/2015, Công ty đã nhận Giấy phép thành lập và hoạt động mới (Giấy phép số: 119/GP-UBCK). Đây là trường hợp hợp nhất CTCK lần thứ ba trên thị trường chứng khoán Việt Nam tại thời điểm đó. Sự kiện này đánh dấu kế hoạch hợp nhất giữa hai Công ty đã hoàn tất, trong quá trình này Công ty luôn đảm bảo được mọi hoạt động, mọi giao dịch của khách hàng được diễn ra liên tục, thông suốt và không có bất kỳ sự gián đoạn nào.
- Việc hợp nhất giữa hai Công ty thực tế đã diễn ra liên tục không có sự gián đoạn đối với Nhà đầu tư. Tuy nhiên đối với Công ty thì cơ cấu nhân sự và hoạt động quản trị cũng có sự xáo trộn nhất định. Vấn đề này cũng đã có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty trong những tháng đầu năm 2016 vừa qua.
- Ngày 5/3/2016 Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua việc niêm yết cổ phiếu của Công ty trên sàn HNX và chi trả cổ tức 5% năm 2015 bằng tiền. Theo kế hoạch này, sau khi Đại hội kết thúc HĐQT đã nhanh chóng chỉ đạo chuẩn bị hồ sơ niêm yết cổ phiếu của Công ty trên sàn HNX. Tuy nhiên, do một số nguyên nhân khách quan nên hồ sơ niêm yết của Công ty chưa được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận. Công ty phải chuẩn bị lại hồ sơ để đăng ký giao dịch trên sàn Upcom theo đúng quy định. Sau quá trình thẩm định hồ sơ, ngày 18/10/2016 cổ phiếu của Công ty chính thức được đăng ký giao dịch trên sàn Upcom với mã chứng khoán là HAC. Quá trình chuyển đổi từ niêm yết trên sàn HNX sang đăng ký giao dịch trên sàn Upcom là nằm ngoài mong muốn của doanh nghiệp cũng như của cổ đông Công ty. Những phát sinh này đã làm chậm kế hoạch trả cổ tức cho cổ đông. Nhận thức được điều này nên ngay trong ngày cổ phiếu HAC được giao dịch trên sàn Upcom, Công ty đã tiến hành các thủ tục liên quan để tiến hành chi trả cổ tức cho cổ đông.
- Ngày 28/11/2016, Công ty đã tiến hành thanh toán cổ tức cho cổ đông theo quy định, theo đó:
  - + Đối với chứng khoán đã lưu ký: Cổ đông làm thủ tục nhận cổ tức tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký chứng khoán
  - + Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Cổ đông làm thủ tục nhận cổ tức tại Trụ sở và các Chi nhánh của Công ty tại TP. Hà Nội và TP. HCM.

Do số lượng cổ đông chưa lưu ký và nhỏ lẻ của Công ty nhiều nên đến thời điểm hiện tại việc trả cổ tức cho những cổ đông này vẫn được công ty khẩn trương tiến hành.

### 1.3 Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: đồng

| TT | Chỉ tiêu                      | Năm 2016       |
|----|-------------------------------|----------------|
| 1  | Doanh thu hoạt động           | 33.072.953.798 |
| 2  | Chi phí hoạt động             | 5.056.500.735  |
| 3  | Doanh thu hoạt động tài chính | 2.630.267.529  |
| 4  | Chi phí tài chính             | 48.136.111     |
| 5  | Chi phí quản lý công ty       | 12.479.170.607 |

CT  
 AN  
 IOA  
 JNC  
 PH

|   |                        |                |
|---|------------------------|----------------|
| 6 | Kết quả hoạt động khác | (46.872.024)   |
| 7 | Lợi nhuận sau thuế     | 18.072.541.850 |

- Trong bối cảnh chung còn khó khăn Công ty đã chưa đạt được kế hoạch kinh doanh: lợi nhuận năm 2016 mới chỉ đạt 18,072 tỷ đồng bằng 94 % kế hoạch năm, tuy nhiên tăng so với cùng kỳ năm 2015 khoảng 4%.
- Tổng doanh thu năm 2016 của Công ty đạt 35,7 tỷ đồng, chỉ bằng 79,4% kế hoạch năm. Có được kết quả đó là từ hoạt động môi giới, hoạt động đầu tư và một số hoạt động khác. Trong đó đáng ghi nhận là kết quả hoạt động môi giới đạt doanh thu 7,5 tỷ đồng, hoạt động đầu tư đạt doanh thu 10,8 tỷ đồng. Tuy nhiên, do thị trường không thuận lợi nên doanh thu một số hoạt động khác của Công ty còn thấp. Doanh thu từ hoạt động tư vấn do tiếp tục chịu ảnh hưởng của tình hình chung nên doanh thu đã thực hiện chỉ đạt 873,5 triệu đồng, tuy nhiên đã tăng cao so với cùng kỳ năm 2015 (cùng kỳ năm 2015 doanh thu hoạt động tư vấn đạt 95,4 triệu đồng).

## 2. Tổ chức, nhân sự

- Năm 2016 là năm đầu tiên sau quá trình hợp nhất với Công ty cổ phần chứng khoán Á Âu, Ban điều hành đã sắp xếp, ổn định được tâm lý cán bộ nhân viên trong toàn Công ty nhờ những định hướng phát triển đúng đắn cũng như nắm bắt được tâm tư nguyện vọng của cán bộ nhân viên.
- Công ty vẫn hoạt động với mô hình 01 Hội sở và 2 Chi nhánh.

| TT | Mạng lưới     | Địa chỉ  |
|----|---------------|--|
| 1  | Trụ sở chính  | - 24 Cù Chính Lan, Hồng Bàng, Hải Phòng            |
| 2  | Chi nhánh HN  | - Số 4 Tôn Thất Tùng, Trung Tự, Đống Đa, Hà Nội    |
| 3  | Chi nhánh HCM | - Số 328 Võ Văn Kiệt, Cô Giang, Q1, Tp Hồ Chí Minh |

- Trong năm 2016, nhân sự tiếp tục được sắp xếp lại một số vị trí, đến nay đã đi vào ổn định, đến hết năm 2016 tổng số cán bộ nhân viên là 54 người giảm 02 người (tương ứng với giảm 3,6%) so với thời điểm 31/12/2015 được phân bổ ở các đơn vị:
  - + Hội sở: 36 người
  - + Chi nhánh Hà Nội: 9 người
  - + Chi nhánh Hồ Chí Minh: 9 người
- Công ty cũng tạo điều kiện cho CBNV tham gia ôn luyện, thi sát hạch để cấp chứng chỉ hành nghề theo qui định. Năm 2016 có 2 nhân viên được cấp chứng chỉ đại diện sàn và có 03 cán bộ nhân viên được cử đi học để cấp giấy phép hành nghề môi giới, dự kiến giữa năm 2017 sẽ hoàn thành các khóa học.
- Tổng số Chứng chỉ hành nghề của Công ty là 29 chứng chỉ trong đó có 5 chứng chỉ phân tích và 24 chứng chỉ môi giới
- Ngoài ra nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, Công ty đã triển khai một số khóa đào tạo về các nội dung khác nhau như nghiệp vụ, kỹ năng mềm với hình thức đào tạo nội bộ
- Công tác quan hệ lao động (quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật...) và chế độ cho người lao động (lương, BHXH) được thực hiện tốt, không phát sinh tranh chấp, khiếu kiện. Các nhân viên có đóng góp tích cực đến hoạt động của Công ty được khen thưởng động viên kịp thời.

- Trong năm, Công ty đã chủ động thực hiện nhiều biện pháp để quản lý và tiết giảm chi phí hành chính; tận dụng tối đa cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có để phục vụ hoạt động kinh doanh.
- Đối với công tác kế hoạch, hoạt động triển khai kế hoạch kinh doanh phòng, ban, chi nhánh trong công ty được cập nhật theo dõi hàng tháng qua đó Ban Lãnh đạo Công ty có thể kịp thời đánh giá và đưa ra các giải pháp phù hợp.
- **Thành viên Ban giám đốc, Kế toán trưởng**
- + Ông Vũ Dương Hiền - Tổng giám đốc
- + Ông Nguyễn Anh Trung - Phó Tổng giám đốc
- + Bà Nguyễn Thị Nguyệt - Phó Tổng giám đốc
- + Bà Nguyễn Thị Thanh - Giám đốc Tư vấn
- + Ông Phạm Đức Phiên - Giám đốc marketing
- + Ông Phạm Công Ngữ - Giám đốc Nhân sự
- + Bà Vũ Thị Thu Huyền – Kế toán trưởng

### 2.1. Ông Vũ Dương Hiền - Tổng giám đốc

- **Họ và tên:** Vũ Dương Hiền; **Giới tính:** Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 14/09/1942
- Số CMND: 030664890 cấp ngày 12/10/2007 tại Hải Phòng
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Minh Tân – Thủy Nguyên – Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú: Số 1/274 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng
- Chỗ ở hiện tại: Số 1/274 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ khoa học kinh tế, kỹ sư kinh tế, Giáo viên cấp II, III
- Chính trị: cao cấp Nguyễn Ái Quốc (*nay là Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh*)
- **Quá trình công tác:**

| Thời gian  | Nơi làm việc  | Chức vụ                                  |
|------------|---|--|
| 1958 -1964 | Đi học Trung cấp, Đại học Sư phạm, Kinh tế              | Học sinh                                 |
| 1965       | Học trường Chính trị ngành giáo dục, Bí thư đoàn trường | Học sinh                                 |
| 1965 -1967 | Trường cấp I, II xã Minh Tân, Thủy Nguyên, HP           | Hiệu trưởng                              |
| 1968 -1977 | Xí nghiệp Đồ dùng dạy học, Giáo viên KT cấp III         | Bí thư Đảng ủy                           |
| 1977 -1982 | Chuyên viên chính Ban khoa giáo Thành ủy Hải Phòng      | Phó Bí thư Chi bộ Ban Khoa giáo thành ủy |
| 1983 -1999 | Xí nghiệp Giấy bìa Đồng Tiến, Nhà máy                   | Chủ tịch HĐQT-Giám                       |



|            |                                       |                                  |
|------------|---------------------------------------|----------------------------------|
|            | Giấy Hải Phòng, Công ty CP HAPACO     | độc                              |
| 1999 - nay | Tập đoàn HAPACO                       | Chủ tịch HĐQT                    |
|            | Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc |

- **Chức vụ tại Công ty:** Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng
- **Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác:** Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn HAPACO
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Số cổ phần HAC nắm giữ: 3.587.773 CP
- + Sở hữu cá nhân: 3.587.773 CP
- + Đại diện vốn: không CP
- Tỷ lệ %/vốn ĐL: 12,29 %

## 2.2. Ông Nguyễn Anh Trung - Phó Tổng giám đốc

- **Họ và tên:** Nguyễn Anh Trung; **Giới tính:** Nam
- Ngày tháng năm sinh: 24 tháng 6 năm 1982
- Số CMND: 001082000390 ngày cấp: 22/11/2013 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Tập Thể Ga Bắc, Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại: P1213 nhà N02, Trần Quý Kiên, Cầu Giấy, Hà Nội
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- **Quá trình công tác:**

| Thời gian | Nơi làm việc                     | Vị trí công việc                 |
|-----------|----------------------------------|----------------------------------|
| 2005-2006 | Vina acercook                    | Nhân viên kinh doanh             |
| 2006      | Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng | Nhân viên giao dịch              |
| 2007-2010 | Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng | Trưởng phòng giao dịch chi nhánh |
| 2011-nay  | Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng | Giám đốc chi nhánh Hà Nội        |

- **Chức vụ tại công ty:** Phó Tổng giám đốc - kiêm GD Chi nhánh HN
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có
- Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có
- Số cổ phần HAC nắm giữ: 5.121 cổ phần
- + Sở hữu cá nhân: 5.121 CP
- + Đại diện vốn: không CP
- Tỷ lệ %/vốn ĐL: 0,017 %

### 2.3. Bà Nguyễn Thị Nguyệt - Phó tổng giám đốc.

- **Họ và tên:** Nguyễn Thị Nguyệt; **Giới tính:** Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 14/03/1981
- Số CMND: 031747415 Ngày cấp: 27/08/2008 Nơi cấp: CA Hải Phòng
- Nơi sinh: Bắc Giang
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bắc Giang
- Địa chỉ thường trú: 15/146 Hạ Lý – Hồng Bàng – Hải Phòng
- Chỗ ở hiện tại: Số 51 Khu TĐC Đằng Hải – P. Đằng Hải – Quận Hải An – Tp.Hải Phòng.
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính ngân hàng
- **Quá trình công tác:**

| Thời gian             | Nơi làm việc                          | Vị trí công tác                   |
|-----------------------|---------------------------------------|-----------------------------------|
| 2003 – 1/2010         | Công ty Cổ phần chứng khoán Hải Phòng | Chuyên viên kế toán –lưu ký       |
| 1/2010 – 7/2012       | Công ty Cổ phần chứng khoán Hải Phòng | Phó Phòng kế toán – lưu ký        |
| 7/2012 – 3/2013       | Công ty Cổ phần chứng khoán Hải Phòng | Phó Phòng Giao dịch               |
| 3/2013- 26/3/2015     | Công ty Cổ phần chứng khoán Hải Phòng | Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ.  |
| 29/5/2015- 23/11/2015 | Công ty cổ phần Chứng khoán Á Âu      | Chủ tịch Hội đồng quản trị        |
| 1/1/2016 – 16/3/2016  | Công ty cổ phần Chứng khoán Hải Phòng | Giám đốc chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh |
| 16/3/2016- nay        | Công ty cổ phần Chứng khoán Hải Phòng | UV HĐQT , PTGD kiêm GD CNHCM      |

- **Chức vụ tại công ty:** Phó Tổng giám đốc - kiêm GD Chi nhánh HCM
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao Hội đồng quản trị
- Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có
- Số cổ phần HAC nắm giữ: 5.000 cổ phần
- + Sở hữu cá nhân: 5.000 CP
- + Đại diện vốn: không CP
- Tỷ lệ %/vốn ĐL: 0,017 %

#### 2.4. Bà Nguyễn Thị Thanh - Giám đốc Tư vấn

- **Họ và tên:** Nguyễn Thị Thanh; **Giới tính:** Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 24/04/1962
- Số CMND: 030187040; cấp ngày 12/08/1997 tại Hải Phòng
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hải An, Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú: Số 82 Cát Cụt, phường An Biên, Lê Chân, Hải Phòng
- Chỗ ở hiện tại: Số 82 Cát Cụt, phường An Biên, Lê Chân, Hải Phòng
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân đại học Thương mại
- **Quá trình công tác:**

| Thời gian       | Chức vụ công tác   |
|-----------------|--|
| 1984 - 1996     | Cán bộ giá kiêm kế toán tại Công ty TM XNK Tranxmechco               |
| 1997 - 2003     | Kế toán tổng hợp Công ty phát triển khu công nghiệp Nomura Hải Phòng |
| 2003 - 2008     | Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng                 |
| 1/2009 - 9/2016 | Giám đốc Tư vấn đầu tư Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng         |
| 9/2016 - nay    | Giám đốc Tư vấn Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng                |

- **Chức vụ tại công ty:** Giám đốc tư vấn
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có
- Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

#### 2.5. Ông Phạm Đức Phiên – Giám đốc Marketing

- **Họ và tên:** Phạm Đức Phiên; **Giới tính:** Nam
- Ngày tháng năm sinh: 13/10/1975
- Số CMND: 030974534; Ngày cấp: 30/11/2001; Nơi cấp: Công an Hải Phòng

11  
 CỘ  
 CỘ  
 TỬN  
 HẢI  
 BAN

- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú: 13/17 Lê Lợi, Ngô Quyền, Hải Phòng.
- Nơi ở hiện nay: Số 14 A4 Lô 6B, Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, Hải Phòng.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- **Quá trình công tác:**

| Thời gian        | Chức vụ công tác   |
|------------------|--|
| 1996 -1999       | Kế toán Công ty Dược Hải Phòng                                 |
| 1999 - 2000      | Quyền TP Kế toán Nhà máy cơ khí chế tạo Hải Phòng              |
| 2000 - 2001      | Kế toán Công ty cung ứng tàu biển TMDL và DV Hải Phòng         |
| 2001 - 4/2003    | Trưởng phòng kế toán Cty liên doanh tàu cao tốc VCHK Tân Hải   |
| 4/2003 - 11/2003 | Phó phòng tài chính kế toán Công ty CP Giấy HP Hapaco          |
| 11/2003 - 5/2004 | Trợ lý TGD Công ty CP Giấy HP Hapaco                           |
| 5/2004 - 7/2004  | Quyền TP Tài chính kế toán Công ty CP Giấy HP Hapaco           |
| 7/2004 - 12/2006 | TP Tài chính kế toán Công ty CP Giấy HP Hapaco                 |
| 1/2007 - 6/2007  | TP Tư vấn đầu tư CTCP quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Hải Phòng |
| 6/2007 - 10/2007 | Giám đốc Trung tâm tư vấn đầu tư và kinh doanh tài chính       |
| 10/2007 - 8/2001 | Giám đốc Công ty CP đầu tư Hafinco                             |
| 9/2011 - 6/2016  | Giám đốc dịch vụ khách hàng Công ty CP chứng khoán Hải Phòng   |
| 6/2016 - nay     | Giám đốc Marketing Công ty CP chứng khoán Hải Phòng            |

- **Chức vụ tại công ty:** Giám đốc Marketing
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có
- Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 0 CP

## 2.6. Ông Phạm Công Ngữ – Giám đốc Nhân sự

- **Họ và tên:** Phạm Công Ngữ; **Giới tính:** Nam
- Ngày tháng năm sinh: 26/5/1978
- Số CMND: 151166692; Ngày cấp: 31/3/2011; Nơi cấp: Thái Bình
- Nơi sinh: Thái Bình

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Thị trấn Đông Hưng, Thái Bình.
- Nơi ở hiện nay: 41/L6 Khu đô thị PG, An Đồng, An Dương, Hải Phòng
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- **Quá trình công tác:**

| Thời gian     | Nơi làm việc   | Vị trí công tác   |
|---------------|--|-------------------|
| 2001 – 5/2005 | Dự án Môi trường – Công ty Môi trường đô thị Hải Phòng | Chuyên viên dự án |
| 5/2005 - 2011 | Công ty cổ phần Chứng khoán Hải Phòng                  | Nhân viên         |
| 2011- 3/2016  | Công ty cổ phần Chứng khoán Hải Phòng                  | Trưởng phòng HCTH |
| 3/2016 - nay  | Công ty cổ phần Chứng khoán Hải Phòng                  | GD nhân sự        |

- **Chức vụ tại công ty:** Giám đốc Nhân sự
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có
- Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có
- Số cổ phần HAC nắm giữ: 61 CP

## 2.7. Bà Vũ Thị Thu Huyền – Kế toán trưởng

- **Họ và tên:** Vũ Thị Thu Huyền; **Giới tính:** Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 01 tháng 12 năm 1978
- Số CMND: 031033914 Cấp ngày: 28/7/2010 Nơi cấp: Hải Phòng
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú: 51/56 Cầu Cáp - Lam Sơn - Lê Chân - Hải Phòng.
- Nơi ở hiện nay: 8/4/109 Trại Lẻ, Kênh Dương, Lê Chân, Hải Phòng.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- **Quá trình công tác:**

| Thời gian | Nơi làm việc                  | Vị trí công việc    |
|-----------|-------------------------------|---------------------|
| 1999-2002 | Công ty TNHH Anh Minh         | Chuyên viên kế toán |
| 2004-2005 | Công ty TNHH TM Tổng hợp Sông | Kế toán tổng hợp    |

C  
T  
Y  
Á  
N  
H  
O  
À  
N  
H  
À  
I  
P  
H

|                  |   |                            |
|------------------|---|----------------------------|
|                  | Hồng                                    |                            |
| 2005-2007        | Công ty Cổ phần truyền thông Minh Quang | Phó phòng kế toán          |
| 2007- 2/2016     | Công ty cổ phần chứng khoán Hải Phòng   | Phó phòng Kế toán          |
| 3/2016 - 11/2016 | Công ty cổ phần chứng khoán Hải Phòng   | Trưởng BP Kiểm soát nội bộ |
| 12/2016 - nay    | Công ty cổ phần chứng khoán Hải Phòng   | Kế toán trưởng             |

- Chức vụ tại công ty: Kế toán trưởng
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác (nếu có): Không có
- Lợi ích liên quan đối với công ty (nếu có): Không có
- Số cổ phần HAC nắm giữ: 07 cp

### 3. Tình hình tài chính:

#### a. Tình hình tài chính

| Stt | Chỉ tiêu                          | Năm 2015        | Năm 2016        | % tăng giảm |
|-----|-----------------------------------|-----------------|-----------------|-------------|
| 1   | Tổng giá trị tài sản              | 362.209.175.624 | 319.768.895.841 | 88,28       |
| 2   | Doanh thu thuần                   | 12.165.110.457  | 35.703.221.327  | 293,49      |
| 3   | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 17.422.064.425  | 18.119.413.874  | 104,00      |
| 4   | Lợi nhuận khác                    | 0               | -46.872.024     | -           |
| 5   | Lợi nhuận trước thuế              | 17.422.064.425  | 18.072.541.850  | 103,73      |
| 6   | Lợi nhuận sau thuế                | 17.422.064.425  | 18.072.541.850  | 103,73      |
| 7   | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức        | -               | 44,366 %        | -           |

#### b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Stt      | Chỉ tiêu   | Năm 2015 | Năm 2016 | % tăng giảm |
|----------|--|----------|----------|-------------|
| <b>1</b> | <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                     |          |          |             |
| -        | Hệ số thanh toán ngắn hạn<br>(TSLĐ/ Nợ ngắn hạn)           | 5,78     | 33,62    | 581,66      |
| -        | Hệ số thanh toán nhanh<br>(TSLĐ- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn | 5,78     | 33,62    | 581,66      |
| <b>2</b> | <b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                              |          |          |             |
| -        | Hệ số nợ/Tổng tài sản                                      | 0,15     | 0,025    | 16,67       |
| -        | Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu                                    | 0,17     | 0,026    | 15,29       |

|          |                                       |       |       |        |
|----------|---------------------------------------|-------|-------|--------|
| <b>3</b> | <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b> |       |       |        |
| -        | Doanh thu thuần/Tổng tài sản          | 0,033 | 0,112 | 339,39 |
| <b>4</b> | <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>  |       |       |        |
| 1        | Lợi nhuận từ HĐSXKD/ Doanh thu thuần  | 1,43  | 0,508 | 35,52  |
| 2        | Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần   | 1,43  | 0,506 | 35,38  |
| 3        | Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản      | 0,048 | 0,057 | 118,75 |
| 4        | Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu    | 0,056 | 0,058 | 103,57 |

#### 4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

| STT       | Chỉ tiêu   | Số lượng CP<br>năm giữ | Tỷ lệ sở hữu  |
|-----------|--|------------------------|---------------|
| <b>a.</b> | <b>Cổ phần</b>   |                        |               |
| -         | Tổng số cổ phần  | 29.181.096             |               |
| <b>b.</b> | <b>Cơ cấu cổ đông</b>                                      |                        |               |
| -         | <b>Cổ đông lớn nắm giữ trên 5%</b>                         | <b>5.525.510</b>       | <b>18,93%</b> |
|           | Ông Vũ Dương Hiền  | 3.587.773              | 12,29%        |
|           | Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco                            | 1.937.737              | 6,64%         |
| -         | <b>Cổ đông nhỏ nắm giữ dưới 5%</b>                         | <b>23.655.586</b>      | <b>81,07%</b> |
|           | <b>Cổ đông tổ chức &amp; cá nhân</b>                       |                        |               |
| -         | Cổ đông tổ chức  | 3.725.411              | 12,76%        |
| -         | Cổ đông cá nhân  | 25.455.685             | 87,24%        |
|           | <b>Cổ đông trong nước &amp; ngoài nước</b>                 |                        |               |
| -         | Cổ đông trong nước   | 28.865.537             | 98,92%        |
| -         | Cổ đông nước ngoài   | 315.559                | 1,08%         |
|           | <b>Cổ đông nhà nước &amp; cổ đông không thuộc nhà nước</b> |                        |               |
| -         | Cổ đông là doanh nghiệp nhà nước                           | -                      | -%            |
| -         | Cổ đông khác   | -                      | -%            |
| <b>c.</b> | <b>Giao dịch cổ phiếu quỹ</b>                              |                        |               |
| -         | Số lượng cổ phiếu quỹ                                      | 4.706                  | 0,016%        |
| -         | Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm:                          | 0                      | 0             |

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. Hoạt động môi giới

- Trong năm 2016 doanh thu hoạt động môi giới đạt 7,5 tỷ đồng, tăng cao so với cùng kỳ năm 2015
- Tính đến 31/12/2016 Số tài khoản giao dịch tại HASECO là: 21.241 tài khoản tăng 675 tài khoản so với cuối năm 2015 (tương đương tăng 3,3%), trong đó cá nhân có 21.178 tài khoản; tổ chức có 63 tài khoản.
- Thị phần môi giới của Haseco không có đột phá trong năm 2016

- Trong năm Công ty đã triển khai sản phẩm mới, phần mềm giao dịch qua webtrading và mobiletrading.
- Cơ chế lương khoán đã khuyến khích CBNV phấn đấu đạt doanh số cao, đồng thời tăng khả năng thu hút các môi giới giỏi về với Công ty.
- Trong năm 2016 Công ty không mở thêm điểm tư vấn hay hỗ trợ giao dịch nào.
- Hoạt động môi giới trong năm 2016 vẫn là hoạt động chiếm tỷ trọng quan trọng trong tổng doanh thu của công ty.
- Duy trì tốt hệ thống công nghệ thông tin phục vụ giao dịch tại Haseco, phần mềm Freewill luôn được đánh giá là hiện đại và đáp ứng được các yêu cầu của các Sở và Nhà đầu tư.
- Năng lực tài chính bảo đảm nhu cầu của Nhà đầu tư. Tỷ lệ vốn khả dụng thời điểm cuối năm 2016 là 337,33%.

## 2. Hoạt động Đầu tư

- Trong năm 2016, hoạt động đầu tư của Haseco khá thận trọng, đảm bảo nguyên tắc an toàn vốn.
- Hoạt động đầu tư của công ty năm 2016 thực hiện được 10,8 tỷ đồng doanh thu, tăng cao so với cùng kỳ năm 2015. Trong năm thực hiện mục tiêu tái cơ cấu danh mục, Công ty đã tiếp tục thoái vốn tại một số cổ phiếu niêm yết. Ngoài việc bám sát diễn biến thị trường, Công ty cũng đã cải tiến phương pháp đầu tư và bước đầu thu được một số kết quả tích cực.
- Theo dõi nhận cổ tức đầy đủ, xử lý các mã trong danh mục OTC không giải ngân mua thêm.
- Đối với một số doanh nghiệp mà Công ty nắm giữ có giá trị lớn và chưa thể thoái vốn do không có thanh khoản và chưa tìm được đối tác mua, Công ty đã thường xuyên chủ động cập nhật, nắm bắt các thông tin, cố gắng tham gia sâu hơn vào hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Đồng thời Công ty tiếp tục tích cực tìm cơ hội thoái vốn hoặc liên kết với các đối tác để đảm bảo quyền lợi của Haseco tại các doanh nghiệp này.
- Ở một số thời điểm nhất định, tính chính xác trong công tác dự báo chưa cao dẫn tới còn bỏ lỡ cơ hội mua/bán tốt nhất có thể.
- Mặc dù đã tăng cường mở rộng mối quan hệ trong lĩnh vực tài chính - chứng khoán nhưng hiệu quả trong việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư/thoái vốn còn hạn chế.

## 3. Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp

- Năm 2016 với những nỗ lực tìm kiếm khách hàng hoạt động Tư vấn của Công ty đã thực hiện tư vấn phát hành tăng vốn, đăng ký công ty đại chúng, quản lý sổ cổ đông... cho nhiều doanh nghiệp trên địa bàn Hải Phòng
- Năm 2016 doanh thu hoạt động Tư vấn của Công ty đạt 873 triệu đồng, tăng cao so với cùng kỳ năm 2015
- Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp đến 31/12/2016 vẫn duy trì tư vấn niêm yết 02 Công ty và 7 Công ty thực hiện quản lý sổ cổ đông.
- Hoạt động Tư vấn tài chính trong tình hình khó khăn, tuy nhiên đã cố gắng duy trì hoạt động, củng cố nhân sự để thực hiện tiếp và triển khai các hợp đồng mới
- Xúc tiến tiếp cận các DN để ký kết thêm các hợp đồng tư vấn mới cho các DN trên địa bàn.



#### 4. Duy trì, xây dựng hệ thống quản lý

- **Xây dựng hệ thống qui định hoạt động nghiệp vụ và quản trị rủi ro:** Công ty thường xuyên rà soát, cập nhật, hiệu chỉnh, bổ sung lại toàn bộ quy chế, quy trình liên quan đến hoạt động hàng ngày gồm: Quy chế lương kinh doanh, các quy trình liên quan đến tổ chức nhân sự; Các quy trình kiểm soát; và các quy định liên quan đến các hoạt động nghiệp vụ khác như; Quy trình nghiệp vụ kế toán lưu ký; Quy chế đầu tư, giao dịch....
- **Thương hiệu:** Năm 2016 hoạt động quảng bá thương hiệu của Công ty không được triển khai.
- **Xây dựng môi trường làm việc:** Công ty tiếp tục tối ưu hóa việc sử dụng phần mềm văn phòng trực tuyến (Portal Office) góp phần rút ngắn thời gian làm việc và trao đổi trong toàn bộ hệ thống. Đảm bảo công việc nhanh chóng, chính xác và tiết kiệm chi phí.
- **Quản trị rủi ro:** Công ty tiếp tục xử lý các công nợ tồn đọng từ nhiều năm trước. Bước đầu đã đạt được một số kết quả đáng, xử lý được một số các khoản công nợ.

#### 5. Những vấn đề còn tồn tại

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong năm 2016 Haseco vẫn còn những vấn đề tồn tại sau:

- Công tác thu hồi nợ xấu mặc dù đã có những kết quả nhất định nhưng vẫn còn nhiều khoản nợ xấu chưa thu hồi được do nhiều nguyên nhân.
- Chưa xây dựng được tiêu chí phân loại khách hàng để có những chính sách phục vụ cho phù hợp;
- Các sản phẩm tư vấn chưa đa dạng, sản phẩm tài chính còn một số hạn chế, thiếu linh hoạt, chưa hấp dẫn nhà đầu tư. Công nghệ cần nâng cao tính ổn định và triển khai thêm các tính năng mới.
- Chưa có những chương trình chăm sóc khách hàng cụ thể, thường xuyên
- Mặc dù đã tăng cường tìm kiếm và tuyển dụng thêm nhân sự Môi giới, tuy nhiên số lượng Môi giới nhân sự còn ít so với mặt bằng chung của thị trường. Kỹ năng về tư vấn và chăm sóc khách hàng của đội ngũ Môi giới cần tiếp tục được nâng cao hơn nữa.
- Trong năm 2016, mặc dù có cơ hội tham gia hoạt động tư vấn chuyên sâu (Mua bán sáp nhập, tái cấu trúc) nhưng Haseco chưa tận dụng được do nguồn lực hạn chế.

### IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị ghi nhận sự nỗ lực của toàn thể cán bộ Công ty trong việc thực hiện kế hoạch kinh doanh đã đề ra, trong đó tập trung vào các công việc chính sau:

- Công cuộc cấu trúc lại công ty đạt được nhiều kết quả tốt, nhân sự được sắp xếp hợp lý, các chính sách đối với người lao động đều được thực hiện tốt.
- Hoàn thành việc đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn Upcom với mã chứng khoán là HAC.
- Đã tiến hành trả cổ tức năm 2015 bằng tiền cho cổ đông.
- Mạnh dạn tái cơ cấu danh mục đầu tư niêm yết và một số cổ phiếu chưa niêm yết;

- Tập trung tăng cường công tác xử lý nợ xấu; quản trị rủi ro;
- Triển khai một số sản phẩm dịch vụ mới phục vụ nhà đầu tư như sản phẩm webtrading và mobiletrading
- Kiện toàn một số các quy trình, quy chế nội bộ như các quy trình nghiệp vụ, cơ chế lương khoán, quy định về bảo mật thông tin, quy trình đánh giá nhân viên,...
- Tăng cường thực hiện các hoạt động đào tạo nội bộ nhằm nâng cao chất lượng nhân sự;
- Rà soát, cắt giảm một số chi phí như chi phí hành chính, chi phí nhân sự gián tiếp.
- Các hoạt động nghiệp vụ không để xảy ra rủi ro, thất thoát vốn

#### **Nhưng bên cạnh đó còn những tồn tại:**

- Công ty tồn tại một số hạn chế như nợ xấu dù đã tích cực thu hồi nhưng vẫn còn ở mức cao.

### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc:**

- Hội đồng quản trị ghi nhận những nỗ lực của Ban Giám đốc. Ban giám đốc thường xuyên họp bàn, phân công giao việc, kiểm tra chéo, hỗ trợ lẫn nhau; thường xuyên báo cáo trực tiếp với Hội đồng quản trị để có hướng chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời.
- Ban giám đốc đã mạnh dạn đề xuất và quyết liệt xử lý các khoản nợ xấu, danh mục đầu tư tồn đọng, tái cơ cấu bộ máy nhân sự và cắt giảm chi phí hợp lý đồng thời tích cực tìm nguồn huy động vốn cho hoạt động kinh doanh, phát triển sản phẩm dịch vụ mới và khai thác nguồn lực từ nhà đầu tư và cổ đông lớn.
- Ban giám đốc đã có các biện pháp cụ thể để ổn định và đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong giao dịch, có những giải pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy kinh doanh, quản lý đề bộ máy điều hành hoàn thành tốt nhất các chỉ tiêu kế hoạch. Đặc biệt quan trọng là giám sát quản trị rủi ro.

### **3. Các kế hoạch định hướng của HĐQT**

Năm 2017, Hội đồng quản trị tiếp tục tăng cường giám sát, hỗ trợ các hoạt động của Ban giám đốc, ưu tiên quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ.

**HĐQT đưa ra những nhiệm vụ chính với những định hướng phát triển của HASECO năm 2017 như sau:**

#### **3.1 Hoạt động Môi giới**

- Nâng cao chất lượng dịch vụ, chú trọng đến việc khai thác và chăm sóc các nhóm khách hàng VIP và khách hàng tổ chức. Tiếp tục ổn định đội ngũ kinh doanh, tích cực triển khai thu hút khách hàng và nhân sự tốt
- Nâng cao hiệu suất lao động thông qua cơ chế khoán lương, thưởng gắn với kết quả kinh doanh;
- Tăng cường các ứng dụng công nghệ phục vụ nhà đầu tư. Sắp xếp lại đội ngũ và xây dựng phương án để nâng cao mức doanh thu.
- Triển khai giải pháp phát triển thị trường và chăm sóc khách hàng, cụ thể:
- + Thành lập bộ phận chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp và nghiên cứu sản phẩm mới.
- + Đối với khách hàng cá nhân: đây là kênh mà Công ty đang có lợi thế nên tiếp tục đẩy mạnh phát triển thêm nhân sự Môi giới, xây dựng các chính sách sản phẩm về Dịch vụ tài chính, Sản phẩm tư vấn đầu tư, sản phẩm ưu đãi VIP....cho từng nhóm khách hàng cụ thể.

- + Đối với kênh Môi giới trực tuyến: Công ty sẽ tiếp tục nâng cấp thêm các tiện ích mới để phục vụ khách hàng giao dịch trực tuyến gắn với phẩm Webtrading, Sản phẩm Margin

### 3.2 Dịch vụ tài chính – Tư vấn Doanh nghiệp

- Đa dạng hóa số lượng và hình thức cung cấp dịch vụ; Cải tiến các sản phẩm hiện tại theo hướng linh hoạt, thuận tiện với khách hàng nhưng vẫn đảm bảo an toàn cho Công ty. Chú trọng phát triển công nghệ nhằm gia tăng tiện ích, tăng cường khả năng kiểm soát rủi ro, nâng cao kỹ năng phục vụ khách hàng.
- Kiểm soát chặt rủi ro, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn; tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

### 3.3 Hoạt động Đầu tư

- củng cố lại Phòng đầu tư, bám sát các diễn biến của thị trường, các biến động kinh tế, chính trị, xã hội nói chung và của các doanh nghiệp nói riêng, nâng cao tính nhanh nhạy, chính xác của công tác dự báo, nhận định về xu hướng thị trường, qua đó có các hành động kịp thời thực hiện đầu tư khi thị trường có chuyển biến tích cực.
- Tiếp tục thực hiện quyết liệt việc thoái vốn một số mã còn tồn đọng, sinh lời thấp.
- Thường xuyên tham gia quản trị, kiểm soát các doanh nghiệp mà Công ty đang sở hữu lớn qua việc tham gia HĐQT, BKS, tổ chức thăm doanh nghiệp định kỳ, thiết lập mối quan hệ với các cổ đông khác.
- Tiếp tục dành tỷ trọng vốn hợp lý cho đầu tư ngắn hạn (lướt sóng) để tận dụng các sóng xuất hiện trong năm, đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy trình nghiệp vụ tự doanh trong quá trình mua, bán, chỉ đầu tư vào các mã có nền tảng cơ bản tốt, thanh khoản cao, các doanh nghiệp được hưởng lợi từ các chính sách của Nhà nước để có thể thu được lợi nhuận mà không bị đọng vốn.
- Tăng cường quản trị rủi ro trong hoạt động đầu tư nhằm tăng tính hiệu quả đồng thời đáp ứng các yêu cầu của UBCKNN và các quy định của Công ty.

### 3.4 Hoạt động Kiểm tra, kiểm soát

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát và quản trị rủi ro, đáp ứng các yêu cầu của công tác quản trị cũng như các quy định của UBCKNN.
- Rà soát và hoàn thiện các quy trình nghiệp vụ, ban hành các chương trình, kế hoạch kiểm tra, kiểm soát nội bộ và các chế tài xử lý các vi phạm. Bộ phận quản trị rủi ro của Công ty phải được tổ chức, hoạt động hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế, tuân thủ các yêu cầu của UBCKNN và Điều lệ của Công ty.
- Tổ chức thực hiện kiểm tra định kỳ và đột xuất hoạt động của các phòng, ban, chi nhánh để cảnh báo, phòng ngừa, phát hiện, kiến nghị xử lý kịp thời các sai phạm, giảm thiểu rủi ro cho Công ty.
- Tiếp tục duy trì hoạt động báo cáo, công bố thông tin theo đúng các quy định.

### 3.5 Công tác tổ chức và các hoạt động khác

- Trình ĐHCĐ thông qua chủ trương chuyển mã chứng khoán HAC của Công ty từ sàn UpCOM sang niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2016 đã được kiểm toán, Hội đồng quản trị sẽ trình cổ đông phương án trả cổ tức 5% năm 2016 bằng tiền mặt.

- Tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức, giảm tỷ lệ lao động gián tiếp, tăng tỷ lệ lao động trực tiếp, tăng cường đào tạo nội bộ nhằm tiết kiệm chi phí và nâng cao chất lượng nhân sự kết hợp với việc bổ sung nhân sự có chất lượng cao vào đội ngũ.
- Tiếp tục kiện toàn hệ thống quy trình, quy chế, rà soát và kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực của Công ty.
- Xây dựng và đưa vào sử dụng website mới phù hợp hơn với các thiết bị cầm tay đồng thời làm mới thương hiệu HASECO
- Tăng cường thực hiện các biện pháp phù hợp để xử lý, thu hồi nợ xấu.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- **Trước thời điểm 5/3/2016** (là thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2016, bầu HĐQT nhiệm kỳ mới)
  - + Thành viên HĐQT gồm:
 

|                        |                                   |
|------------------------|-----------------------------------|
| 1 Ông Vũ Dương Hiền    | CT HĐQT – Thành viên chuyên trách |
| 2 Ông Đoàn Đức Luyện   | Ủy viên HĐQT                      |
| 3 Ông Vũ Xuân Thủy     | Ủy viên HĐQT                      |
| 4 Bà Nguyễn Thị Nguyệt | Ủy viên HĐQT                      |
| 5 Bà Vũ Thị Thu Huyền  | Ủy viên HĐQT                      |
| 6 Ông Trần Đức Lợi     | Ủy viên HĐQT                      |
- **Sau thời điểm 5/3/2016** (là thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2016, bầu HĐQT nhiệm kỳ mới)
  - + Thành viên HĐQT gồm:
 

|                         |               |                       |
|-------------------------|---------------|-----------------------|
| 1 Ông Vũ Dương Hiền     | Chủ tịch HĐQT |                       |
| 2 Ông Vũ Xuân Thủy      | Phó CT HĐQT   |                       |
| 3 Ông Đoàn Đức Luyện    | Ủy viên HĐQT  |                       |
| 4 Ông Nguyễn Mạnh Cường | Ủy viên HĐQT  | Được bầu nhiệm kỳ mới |
| 5 Bà Nguyễn Thị Nguyệt  | Ủy viên HĐQT  |                       |

#### Thông tin chi tiết thành viên HĐQT:

- \* **Ông Vũ Dương Hiền - Chủ tịch HĐQT** (thông tin như trang 7)
- \* **Ông Đoàn Đức Luyện - Thành viên HĐQT**
  - Họ và tên: Đoàn Đức Luyện; Giới tính: Nam;
  - Ngày, tháng, năm sinh: 20/11/1948
  - Số chứng minh thư nhân dân: 030638620; Cấp ngày 6/4/2005 tại Hải Phòng
  - Nơi sinh: Tân Phong- Kiến Thụy- Hải Phòng
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Dân tộc: Kinh
  - Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 44C Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng
  - Chỗ ở hiện tại: Số 44C Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ khoa học
- **Quá trình công tác:**

| Thời gian  | Nơi làm việc  | Chức vụ                       |
|------------|---|-------------------------------|
| 1965-1968  | Trường An Dũng, Kiến Thụy, Hải Phòng  | Giáo viên, Bí thư Đoàn trường |
| 1968-1971  | Bộ đội tại chiến trường B1, Trung đội trưởng, Phó BT đoàn TN                        |                               |
| 1971-1974  | Cán bộ kiểm soát Hải quan Hà Nội, Hải Phòng   |                               |
| 1974-1981  | Sinh viên Đại học Ngoại Thương, CV kế hoạch giá công ty Cung ứng tàu biển Hải Phòng |                               |
| 1981-1984  | Liên hiệp các công ty XNK Hải Phòng   | Trưởng phòng kế hoạch giá     |
| 1984-1995  | Công ty kinh doanh DV Ngoại thương Hải Phòng  | Giám đốc kiêm BT Đảng Ủy      |
| 1996- 2015 | Công ty CP KCN Đình Vũ Hải Phòng  | Phó Tổng giám đốc             |
| 2015 - nay | Nghỉ hưu  |                               |

- Chức vụ tại Công ty: Ủy viên HĐQT
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: thù lao Hội đồng quản trị
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: không
- Số cổ phần HAC nắm giữ: 200.000 CP
- + Sở hữu cá nhân: 200.000 cổ phần
- Tỷ lệ %/vốn ĐL: 0,68 %
- \* **Ông Vũ Xuân Thủy - Thành viên HĐQT**
- Họ và tên: Vũ Xuân Thủy ; Giới tính: Nam;
- Ngày, tháng, năm sinh: 15/12/1966
- Số CMTND: 030977072; cấp ngày 29/11/2000 tại Hải Phòng
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Minh Tân, Thủy Nguyên, Hải Phòng
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 11/33 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng
- Chỗ ở hiện tại: Số 11/33 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
- **Quá trình làm việc:**

| Thời gian | Nơi làm việc                      | Chức vụ           |
|-----------|-----------------------------------|-------------------|
| 1986-1989 | Trường Đại học Hàng hải Hải Phòng |                   |
| 1990-nay  | Tập đoàn Hapaco                   | Phó chủ tịch HĐQT |

- Chức vụ tại Công ty: Phó chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Phó chủ tịch HĐQT Tập đoàn Hapaco.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT
- Lợi ích liên quan đối với công ty: không
- Số cổ phần HAC nắm giữ: 1.937.737 CP
- + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- + Đại diện vốn: 1.937.737 cp
- Tỷ lệ %/vốn ĐL: 6,64%

\* Bà Nguyễn Thị Nguyệt- Thành viên HĐQT (Thông tin như trang 9)

\* Ông Nguyễn Mạnh Cường- Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Nguyễn Mạnh Cường Giới tính: Nam
- Sinh ngày 09/04/1979
- Nơi sinh: Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân: 030992445 Cấp ngày: 14/04/2008 Nơi cấp: Hải Phòng
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: C6/185 Tôn Đức Thắng, phường An Dương, Lê Chân, Hải Phòng
- Chỗ ở hiện tại: C6/185 Tôn Đức Thắng, phường An Dương, Lê Chân, Hải Phòng
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế đối ngoại
- Quá trình làm việc

| Thời gian        | Nơi làm việc               | Chức vụ                                  |
|------------------|----------------------------|--|
| 4/2004 - 7/2007  | ACB -HP                    | Nhân viên                                |
| 8/2007 - 9/2007  | ACBS                       | Nhân viên                                |
| 10/2007 - 4/2009 | ACBS                       | Phó Giám đốc                             |
| 2009 - 3/2017    | CTCP Chứng khoán Hải Phòng | Trưởng phòng giao dịch                   |
| 3/2017 - nay     | CTCP Chứng khoán Hải Phòng | Thành viên HĐQT - Trưởng phòng giao dịch |

- Chức vụ tại Công ty: Trưởng phòng giao dịch
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
HỘI ĐỒNG GIÁM ĐỐC  
HỘI ĐỒNG CHẤM DẤU

- Lợi ích liên quan đối với công ty: không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 CP
- Sở hữu: 0 cổ phần
- Đại diện vốn: 0 cp
- Tỷ lệ %/vốn ĐL: 0%

## 1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị luôn đảm bảo các kỳ họp thường kỳ và bất thường luôn có mặt đủ thành viên (*hoặc ủy quyền*), do chủ tịch HĐQT chủ trì, các cuộc họp đều có mời Trưởng ban kiểm soát. Nội dung các kỳ họp đều có sự trao đổi bàn bạc, báo cáo kết quả hoạt động điều hành các thành viên đã đóng góp ý kiến, giải pháp để Ban giám đốc thực hiện. Nghị quyết HĐQT được thông báo đến tất cả cán bộ chủ chốt và phân tích rõ nguyên nhân và có hướng xử lý các tồn tại.
- Thông qua các chủ trương để Ban giám đốc đưa ra biện pháp cụ thể để ổn định và đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong giao dịch, có những giải pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy kinh doanh, quản lý để bộ máy điều hành hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch. Đặc biệt quan trọng là giám sát quản trị rủi ro.
- Các thành viên HĐQT đều có ý thức trách nhiệm cao, phát huy khả năng cộng sự để Công ty có được kết quả kinh doanh tốt trong năm 2016, hỗ trợ tích cực để Ban giám đốc làm tốt công tác điều hành kinh doanh.
- HĐQT đã phê chuẩn những đề xuất của Ban giám đốc về các chính sách, các dịch vụ và các công cụ tiện ích để thu hút khách hàng, hỗ trợ khách hàng thuận lợi hơn trong đầu tư. Mặt khác điều chỉnh và ban hành cơ chế lương mới nhằm phù hợp hơn trong giai đoạn hiện nay, bên cạnh cơ chế lương khoán cho nhân viên môi giới vẫn được áp dụng nhằm tạo động lực trong việc mở rộng thị phần và phục vụ khách hàng giao dịch.
- HĐQT đã đôn đốc Ban giám đốc thực hiện việc tiết kiệm chi phí, sắp xếp lại nhân sự sau khi hợp nhất, thu hồi công nợ.
- Bên cạnh đó các hoạt động nghiệp vụ không để xảy ra rủi ro, thất thoát vốn

## 2. Ban kiểm soát

### 2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

- **Trước thời điểm 5/3/2016** (là thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2016, bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới) thành viên Ban kiểm soát gồm:
    1. Bà Lê Thị Vẻ - Trưởng ban
    2. Bà Nguyễn Thị Luyến - Thành viên
    3. Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang – Thành viên
    4. Bà Nguyễn Thị Nhân - Thành viên
  - **Sau thời điểm 5/3/2016** (là thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2016, bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới) thành viên Ban kiểm soát gồm:
    1. Bà Lê Thị Mai Anh - Trưởng BKS
    2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang - Ủy viên
    3. Bà Đoàn Thị Thúy - Ủy viên
- \* **Bà Lê Thị Mai Anh - Trưởng ban kiểm soát:**

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 15 tháng 12 năm 1982
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Hải Phòng
- Địa chỉ: Số 16 đường 3 khu Sao Đỏ- Anh Dũng- Dương Kinh- Hải Phòng
- Chức vụ hiện tại: Không
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế
- **Quá trình làm việc:**

| Thời gian   | Nơi làm việc                | Vị trí công việc                             |
|-------------|-----------------------------|--|
| 2004-2007   | CTCP Vận tải CNTT Bình Định | Phụ trách xuất nhập khẩu - Phòng Kế toán XNK |
| 2007-2009   | CTCP Chứng khoán Hải Phòng  | Đại diện giao dịch sở GDCK Hà Nội            |
| 2009-2011   | CTCP Chứng khoán Hải Phòng  | Chuyên viên- Kiểm soát nội bộ                |
| 2011- nay   | CTCP Chứng khoán Hải Phòng  | Trưởng bộ phận- Kiểm soát nội bộ             |
| 3/2016- nay | CTCP Chứng khoán Hải Phòng  | Trưởng Ban kiểm soát                         |

- Số cổ phần HAC nắm giữ : 3.658 CP
- + Sở hữu cá nhân: 3.658 cổ phần
- + Đại diện vốn: 0 cổ phần
- \* **Bà Đoàn Thị Thúy – Thành viên Ban kiểm soát**

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 03/06/1984.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Hải Phòng
- Địa chỉ: Số 408B Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, TP.Hải Phòng
- Chức vụ hiện tại: Không
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- **Quá trình làm việc:**

| Thời gian         | Nơi làm việc               | Vị trí công tác                |
|-------------------|----------------------------|--------------------------------|
| 3/2007- 3/2009    | CTCP Chứng khoán Hải Phòng | Nhân viên Môi giới             |
| 4/2009-3/2013     | CTCP Chứng khoán Hải Phòng | Chuyên viên Kiểm soát nội bộ   |
| 4/2013- nay       | CTCP Chứng khoán Hải Phòng | Trưởng bộ phận Quản trị rủi ro |
| Từ 05/3/2016- nay | CTCP Chứng khoán Hải Phòng | Thành viên Ban kiểm soát       |

- Số cổ phần HAC nắm giữ: 1.251 CP
- + Sở hữu cá nhân: 1.251 cổ phần
- + Đại diện vốn: 0 cổ phần
- \* **Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang**



- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 14/8/1979
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Ý Yên – Nam Hà
- Địa chỉ: 2B/19/90/191 đường Đà Nẵng, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
- Chức vụ hiện tại : Luật sư Tập đoàn Hapaco
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật
- **Quá trình làm việc:**

| Thời gian       | Nơi làm việc                                     | Vị trí công việc                  |
|-----------------|--|-----------------------------------|
| 2001-2006       | Công ty AC Nielsen Việt Nam                      | Trưởng nhóm                       |
| 2006-2008       | CTCP xây dựng và kinh doanh nhà Phát Đạt- Tp.HCM | Trợ lý Giám đốc kinh doanh        |
| 2008-2009       | Công ty bất động sản SAPro                       | Sales, Trợ lý Giám đốc kinh doanh |
| 4/2010-2/2012   | CTCP Chứng khoán Hải Phòng                       | Nhân viên pháp chế                |
| 3/2012 – 5/2014 | CTCP Chứng khoán Hải Phòng                       | Luật sư                           |
| 5/2014 - Nay    | Tập đoàn Hapaco                                  | Luật sư                           |

- Số cổ phần nắm giữ: 146 CP
- + Sở hữu cá nhân: 146 cổ phần
- + Đại diện vốn : 0 cổ phần

## 2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Nhiệm vụ của các thành viên:
  - + Trưởng ban kiểm soát: Phụ trách chung, xây dựng chương trình, kế hoạch năm và giám sát triển khai. Xem xét kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
  - + Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Ban kiểm soát. Các thành viên trong Ban thực hiện nhiệm vụ và tham gia các công tác khác khi được Trưởng ban phân công.
  - + Thực hiện đúng quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, kèm theo quy chế tổ chức và hoạt động của BKS đã được sửa đổi, bổ sung.
  - + Thông qua và Thống nhất chương trình kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2016.
  - + Tham gia ý kiến với HĐQT về công tác quản lý tài chính cũng như các công tác khác trong Công ty.
- Năm 2016, sau các đợt kiểm tra, Ban kiểm soát đã báo cáo kết quả kiểm tra trình HĐQT Công ty. Qua kết quả kiểm tra về cơ bản Công ty đã chấp hành đúng chế độ chứng từ theo quy định về chế độ kế toán và tuân thủ quy trình nghiệp vụ và các quy định, quy chế của Công ty.
- Công ty tiếp tục cắt giảm chi tiêu, điều chỉnh nhân sự và điều hành sát sao các bộ phận, các Chi nhánh để phấn đấu thực hiện hoàn thành mức chỉ tiêu lợi nhuận mà kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra

- Các hoạt động của Công ty đều phù hợp với giấy phép đăng ký kinh doanh, Điều lệ Công ty. Công ty đã thực hiện các văn bản, quyết định về tiết giảm chi phí, điều chỉnh nhân lực, đảm bảo kinh doanh đạt hiệu quả và ngày càng phát triển. HĐQT, Ban giám đốc Công ty tiếp tục các biện pháp tích cực, kiên quyết chỉ đạo Hội đồng xử lý nợ cùng cơ quan pháp luật để xử lý thu hồi.

#### **Đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát:**

- Năm 2016 công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát được thực hiện đúng theo chương trình kế hoạch đã xây dựng và ngày càng được tăng cường, đặc biệt là được sự quan tâm và tạo điều kiện của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty, Ban kiểm soát đã thực hiện được đúng quyền hạn, chức năng, nhiệm vụ của mình cụ thể qua kết quả dưới đây:
  - Hàng tháng được tham dự họp HĐQT và tham gia ý kiến vào các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và những quy định, quy chế quản lý điều hành của Công ty.
  - Tiếp nhận đầy đủ, kịp thời các thông tin kinh tế như: Báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hàng tháng, quý, năm, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, các nghị quyết, quy định, quy chế quản lý, quy chế tiền lương, các quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng cán bộ phát hành từ Hội đồng quản trị và Lãnh đạo Công ty.
- **Chức năng kiểm tra:**
  - + Đã tiếp nhận, kiểm tra các thông tin từ các cổ đông để phản ánh, kiến nghị với Hội đồng quản trị xử lý kịp thời.
  - + Ngoài việc tiếp nhận kiểm tra các hoạt động kinh doanh từ công ty hàng tháng, quý, năm, Ban kiểm soát còn tổ chức thực hiện kiểm tra 03 đợt theo chương trình kế hoạch công tác đã được xây dựng.
- **Chức năng giám sát:**
  - Ban kiểm soát đã giám sát việc triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty.
  - Trong năm 2016, Ban Kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% cổ phần có quyền biểu quyết trở lên yêu cầu xem xét về hoạt động của Công ty, về việc điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

### **3. Các giao dịch của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, và Ban kiểm soát.**

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm:** Không
- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không

## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **1. Ý kiến kiểm toán (trích nguyên văn)**

Số: 662 /2017/BC.KTTC-AASC.KT2

### **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng được lập ngày 16 tháng 02 năm 2017, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm:

Trang 25

Tel: (84-31)3842332 | Fax: (84-31)3746266 | Trụ sở: Số 24 Cù Chính Lan - Hồng Bàng - Hải Phòng

Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

(Đã ký và đóng dấu)

(đã ký)

**Vũ Xuân Biền**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

**Trương Thị Hoài Anh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2013-002-1

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2017

## 2. Bảng cân đối kế toán

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

| Mã số      | TÀI SẢN   | Thuyết minh | 31/12/2016 (VND).      | 01/01/2016 (VND).      |
|------------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>100</b> | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                                    |             | <b>267.931.168.440</b> | <b>264.042.065.743</b> |
| <b>110</b> | <b>I. Tài sản tài chính</b>                                   |             | <b>251.962.943.904</b> | <b>258.860.939.557</b> |
| 111        | 1. Tiền và các khoản tương đương tiền                         | 4           | 61.170.885.450         | 79.215.346.304         |
| 111.1      | 1.1 Tiền  |             | 17.170.885.450         | 49.315.346.304         |
| 111.2      | 1.2 Các khoản tương đương tiền                                |             | 44.000.000.000         | 29.900.000.000         |
| 112        | 1. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ            | 5           | 5.928.456.671          | 57.617.769.406         |
| 113        | 2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 5           | 137.600.000.000        | 74.350.000.000         |
| 114        | 3. Các khoản cho vay  | 5           | 13.215.272.451         | 4.305.278.604          |
| 115        | 4. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)                    | 5           | 11.279.838.990         | 7.997.986.970          |
| 116        | 5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài                  | 5           | (1.971.703.005)        | (9.550.029.239)        |
| 117        | 6. Các khoản phải thu   | 6           | 4.917.956.614          | 2.541.898.128          |
| 117.1      | 6.1 Phải thu bán các tài sản tài chính                        |             | -                      | 303.641.600            |
| 117.2      | 6.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính |             | 4.917.956.614          | 2.238.256.528          |
| 117.3      | 6.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận                 |             | 100.000.000            | 100.000.000            |
| 117.4      | 6.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận              |             | 4.817.956.614          | 2.138.256.528          |
| 118        | 7. Trả trước cho người bán                                    | 11          | 22.529.337.662         | 23.656.075.662         |
| 119        | 8. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán                   | 6           | 71.335.741.765         | 94.775.718.028         |
| 122        | 9. Các khoản phải thu khác                                    | 6           | 2.704.430.118          | 2.704.920.418          |
| 129        | 10. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu              | 7           | (76.747.272.812)       | (78.754.024.724)       |
| <b>130</b> | <b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>                              |             | <b>15.968.224.536</b>  | <b>5.181.126.186</b>   |
| 131        | 1. Tạm ứng  | 8           | 12.345.630.000         | 1.250.163.300          |
| 133        | 2. Chi phí trả trước ngắn hạn                                 | 9           | 56.267.478             | 364.635.828            |
| 134        | 3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn                 | 10          | 186.294.146            | 186.294.146            |
| 135        | 4. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ                        |             | 1.715.316.364          | 1.715.316.364          |
| 136        | 5. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước                   | 36          | 1.664.716.548          | 1.664.716.548          |
| <b>200</b> | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                                     |             | <b>51.837.727.401</b>  | <b>50.158.096.179</b>  |
| <b>210</b> | <b>I. Tài sản tài chính dài hạn</b>                           |             | <b>5.000.000.000</b>   | <b>5.000.000.000</b>   |
| 212        | 1. Các khoản đầu tư   | 12          | 5.000.000.000          | 5.000.000.000          |
| 212.4      | 1.11 Đầu tư dài hạn khác                                      |             | 15.073.400.000         | 15.073.400.000         |
| 213        | 1.11 Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn              |             | (10.073.400.000)       | (10.073.400.000)       |
| <b>220</b> | <b>II. Tài sản cố định</b>                                    |             | <b>9.258.873.247</b>   | <b>6.128.082.814</b>   |
| 221        | 1. Tài sản cố định hữu hình                                   | 13          | 5.102.461.503          | 2.561.289.738          |
| 222        | - Nguyên giá  |             | 17.931.995.900         | 15.285.283.312         |
| 223a       | - Giá trị hao mòn lũy kế                                      |             | (12.829.534.397)       | (12.723.993.574)       |
| 227        | 2. Tài sản cố định vô hình                                    | 14          | 4.156.411.744          | 3.566.793.076          |
| 228        | - Nguyên giá  |             | 17.160.053.480         | 14.543.353.480         |
| 229a       | - Giá trị hao mòn lũy kế                                      |             | (13.003.641.736)       | (10.976.560.404)       |
| <b>240</b> | <b>IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>                    | <b>15</b>   | <b>24.284.683.636</b>  | <b>24.284.683.636</b>  |
| <b>250</b> | <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>                                |             | <b>13.294.170.518</b>  | <b>14.745.329.729</b>  |
| 251        | 1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn                  | 10          | 2.000.000              | 2.000.000              |
| 252        | 2. Chi phí trả trước dài hạn                                  | 9           | 13.148.563.137         | 14.623.329.729         |
| 254        | 3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán                             | 16          | 143.607.381            | 120.000.000            |
| <b>270</b> | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                                      |             | <b>319.768.895.841</b> | <b>314.200.161.922</b> |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)*

| Mã số  | NGUỒN VỐN                                      | Thuyết minh | 31/12/2016 (VND).      | 01/01/2016 (VND).      |
|--------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| 300    | <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                          |             | <b>7.969.687.787</b>   | <b>4.967.137.497</b>   |
| 310    | <b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>                 |             | <b>7.969.687.787</b>   | <b>4.967.137.497</b>   |
| 318    | 1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán    | 17          | 12.094.000             | 561.827.000            |
| 320    | 2. Phải trả người bán ngắn hạn                 | 18          | 253.414.500            | 5.344.500              |
| 321    | 3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn           |             | 68.200.500             | 276.950.000            |
| 322    | 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước         | 19          | 1.139.061.463          | 648.601.758            |
| 323    | 5. Phải trả người lao động                     |             | 1.147.559.786          | 1.098.326.496          |
| 324    | 6. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên      |             | 74.350.513             | 69.000.315             |
| 325    | 7. Chi phí phải trả ngắn hạn                   |             | -                      | 195.000.000            |
| 329    | 8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác  | 20          | 4.424.592.308          | 2.110.975.932          |
| 331    | 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                   |             | 850.414.717            | 1.111.496              |
| 400    | <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                       |             | <b>311.799.208.054</b> | <b>309.233.024.425</b> |
| 410    | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                       | 21          | <b>311.799.208.054</b> | <b>309.233.024.425</b> |
| 411    | 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu                   |             | 291.763.900.000        | 291.810.960.000        |
| 411.1  | 1.1 Vốn góp của chủ sở hữu                     |             | 291.810.960.000        | 291.810.960.000        |
| 411.1a | a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết      |             | 291.810.960.000        | 291.810.960.000        |
| 411.5  | 1.2 Cổ phiếu quỹ                               |             | (47.060.000)           | -                      |
| 414    | 2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ              |             | 871.103.221            | -                      |
| 415    | 3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ  |             | 871.103.221            | -                      |
| 417    | 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           |             | 18.293.101.612         | 17.422.064.425         |
| 417.1  | 4.1 Lợi nhuận đã thực hiện                     |             | 18.293.101.612         | 17.422.064.425         |
| 440    | <b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> |             | <b>319.768.895.841</b> | <b>314.200.161.922</b> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN HẢI PHÒNG  
 HẢI PHÒNG

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

| Mã số   | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | 31/12/2016        | 01/01/2016        |
|---|--|-------------|-------------------|-------------------|
| <b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>         |  |             |                   |                   |
| 006   | 1. Cổ phiếu đang lưu hành  |             | 29.176.390        | 29.181.096        |
| 007   | 2. Cổ phiếu quỹ  |             | 4.706             | -                 |
| 008   | 3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán                    | 24          | 4.830.600.000     | 34.242.080.000    |
| 012   | 4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán                                   | 25          | 36.659.690.000    | 25.733.930.000    |
| <b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b> |  |             |                   |                   |
| 021   | 1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư                             | 26          | 1.328.610.560.000 | 1.151.345.460.000 |
| 021.1   | a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng   |             | 1.197.333.660.000 | 1.021.042.010.000 |
| 021.2   | b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng   |             | 125.027.900.000   | 121.446.120.000   |
| 021.5   | e. Tài sản tài chính chờ thanh toán  |             | 6.249.000.000     | 8.857.330.000     |
| 022   | 2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư                            | 27          | 1.650.580.000     | 961.810.000       |
| 022.1   | a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng                      |             | 1.150.580.000     | 857.150.000       |
| 022.2   | b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng                    |             | 500.000.000       | 104.660.000       |
| 026   | 3. Tiền gửi của khách hàng   | 28          | 61.246.211.477    | 48.009.013.702    |
| 027   | 3.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý                 |             | 60.038.121.946    | 47.989.764.336    |
| 029   | 3.2 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán  |             | 130.042.833       | 19.249.366        |
| 029.1   | a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước                       |             | 121.565.422       | 10.720.673        |
| 029.2   | b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài                       |             | 8.477.411         | 8.528.693         |
| 030   | 3.3 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán   |             | 1.078.046.698     | -                 |
| 031   | 4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng   | 29          | 60.168.164.779    | 48.009.013.702    |
| 031.1   | 4.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý |             | 60.131.398.926    | 47.698.708.417    |
| 031.2   | 4.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý |             | 36.765.853        | 310.305.285       |
| 035   | 5. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu  | 30          | 1.078.046.698     | -                 |

## 3. Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Năm 2016*

| Mã số                         | CHỈ TIÊU                        | Thuyết minh  | Năm 2016.<br>(VND).   | Từ 23/11/2015.<br>đến 31/12/2015.<br>(VND). |               |
|-------------------------------|---------------------------------|--|-----------------------|---|---------------|
| <b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b> |                                 |  |                       |   |               |
| 01                            | 1.1                             | Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)   | 10.800.104.553        | 1.306.073.620                               |               |
| 01.1                          | a.                              | Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL  | 32.a)                 | 8.396.268.453                               | -             |
| 01.3                          | c.                              | Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL  | 32.b)                 | 2.403.836.100                               | 1.306.073.620 |
| 02                            | 1.2                             | Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)   | 32.b)                 | 8.666.013.196                               | 3.483.039.305 |
| 03                            | 1.3                             | Lãi từ các khoản cho vay và phải thu   | 32.b)                 | 1.060.119.536                               | -             |
| 06                            | 1.6                             | Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán   |                       | 7.572.473.410                               | 650.222.497   |
| 09                            | 1.9                             | Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán   |                       | 588.413.836                                 | 54.905.664    |
| 10                            | 1.10                            | Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính   |                       | 873.563.634                                 | 95.378.068    |
| 11                            | 1.11                            | Thu nhập hoạt động khác  | 32.c)                 | 3.512.265.633                               | 6.575.491.303 |
| 20                            | <b>Cộng doanh thu hoạt động</b> |  | <b>33.072.953.798</b> | <b>12.165.110.457</b>                       |               |
| <b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>  |                                 |  |                       |   |               |
| 21                            | 2.1                             | Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)   | 747.044.188           | 9.697.278.400                               |               |
| 21.1                          | a.                              | Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL   | 32.a)                 | 747.044.188                                 | 9.697.278.400 |
| 24                            | 2.4                             | Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay | (9.585.078.146)       | (17.542.100.300)                            |               |
| 26                            | 2.6                             | Chi phí hoạt động tự doanh   | 1.408.750.048         | -   |               |
| 27                            | 2.7                             | Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán   | 11.131.243.775        | 1.114.839.164                               |               |
| 30                            | 2.10                            | Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán   | 658.241.060           | 8.219.904                                   |               |
| 31                            | 2.11                            | Chi phí hoạt động tư vấn tài chính   | 696.299.810           | 48.650.000                                  |               |
| 40                            | <b>Cộng chi phí hoạt động</b>   |  | <b>5.056.500.735</b>  | <b>(6.673.112.832)</b>                      |               |

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

| Mã số                                      | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Năm 2016.<br>(VND). | Từ 23/11/2015.<br>đến 31/12/2015.<br>(VND) |
|--|--|-------------|---------------------|--|
| <b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>  |  |             |                     |  |
| 42   | 3.2 Doanh thu, dự thu cố tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định |             | 2.630.267.529       | -  |
| 50   | Cộng doanh thu hoạt động tài chính                                 |             | 2.630.267.529       | -  |
| <b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>               |  |             |                     |  |
| 52   | 4.2 Chi phí lãi vay  |             | 48.136.111          | -  |
| 60   | Cộng chi phí tài chính   |             | 48.136.111          | -  |
| 62   | <b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>                     | <b>33</b>   | 12.479.170.607      | 1.416.158.864                              |
| 70   | <b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>                                      |             | 18.119.413.874      | 17.422.064.425                             |
| <b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b> |  |             |                     |  |
| 71   | 8.1 Thu nhập khác  | 34          | 318.181.818         | -  |
| 72   | 8.2 Chi phí khác   | 35          | 365.053.842         | -  |
| 80   | Cộng kết quả hoạt động khác  |             | (46.872.024)        | -  |
| 90   | <b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>                       |             | 18.072.541.850      | 17.422.064.425                             |
| 91   | 9.1 Lợi nhuận đã thực hiện   |             | 18.072.541.850      | 17.422.064.425                             |
| 100  | <b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>  | <b>36</b>   | -                   | -  |
| 200  | <b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>                         |             | 18.072.541.850      | 17.422.064.425                             |
| 500  | <b>XIII THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>                 |             |                     |  |
| 501  | 13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)                    | 37          | 619                 | 597  |

 HAI PHONG  
 NG  
 OÁ  
 N  
 Y  
 O  
 Y



## 4. Bảng báo cáo lưu chuyển tiền tệ

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Năm 2016         | Từ 23/11/2015         |
|-------|--|-------------|------------------|-----------------------|
|       |  |             | VND              | đến 31/12/2015<br>VND |
|       | I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh                                       |             |                  |                       |
| 01    | 1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp                                    |             | 18.072.541.850   | 17.422.064.425        |
| 02    | 2. Điều chỉnh cho các khoản  |             |                  |                       |
| 03    | - Khấu hao tài sản cố định   |             | 3.483.850.793    | 232.871.486           |
| 04    | - Các khoản dự phòng   |             | (9.585.078.146)  | (17.924.902.926)      |
| 06    | - Chi phí lãi vay  |             | 48.136.111       | -                     |
| 07    | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  |             | (11.810.919.405) | -                     |
| 08    | - Dự thu tiền lãi  |             | (3.089.500.000)  | -                     |
| 30    | 3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                  |             | (10.326.605.909) | 29.925.608.192        |
| 31    | - Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL                  |             | 51.689.312.735   | (9.427.614.000)       |
| 32    | - Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)                    |             | (63.250.000.000) | -                     |
| 33    | - Tăng (giảm) các khoản cho vay  |             | (8.909.993.847)  | 2.925.353.115         |
| 34    | - Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS                              |             | (3.281.852.020)  | 16.850.920.000        |
| 35    | - (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính                          |             | 303.641.600      | (303.641.600)         |
| 36    | - (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính   |             | -                | (1.862.112.084)       |
| 37    | - (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp |             | 23.231.226.763   | 19.023.018.974        |
| 39    | - (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác                                     |             | (23.117.081)     | 7.000.390.251         |
| 40    | - Tăng (giảm) các tài sản khác   |             | (11.095.466.700) | (347.790.836)         |
| 41    | - Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)                   |             | (195.000.000)    | -                     |
| 42    | - Tăng (giảm) chi phí trả trước  |             | 1.783.134.942    | -                     |
| 44    | - Lãi vay đã trả   |             | (48.136.111)     | -                     |
| 45    | - Tăng, (giảm) phải trả cho người bán  |             | 1.374.808.000    | (83.305.000)          |
| 46    | - Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên                            |             | 5.350.198        | -                     |
| 47    | - Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)     |             | 490.459.705      | 538.442.988           |
| 48    | - Tăng, (giảm) phải trả người lao động   |             | 49.233.290       | -                     |
| 50    | - Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác   |             | (2.428.407.383)  | (4.388.053.616)       |
| 52    | - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   |             | (21.800.000)     | -                     |
| 60    | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh                                    |             | (13.207.574.706) | 29.655.641.177        |

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU  | Thuyết minh | Năm 2016         | Từ 23/11/2015         |
|-------|---|-------------|------------------|-----------------------|
|       |   |             | VND              | đến 31/12/2015<br>VND |
|       | II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư   |             |                  |                       |
| 61    | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác |             | (6.792.640.000)  | -                     |
| 62    | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác                       |             | 318.181.818      | -                     |
| 65    | 5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn        |             | 12.080.536.275   | -                     |
| 70    | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư   |             | 5.606.078.093    | -                     |
|       | III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính   |             |                  |                       |
| 72    | 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành                    |             | (248.716)        | -                     |
| 73    | 3. Tiền vay gốc   |             | 37.100.000.000   | -                     |
| 74    | 4. Tiền chi trả nợ gốc vay  |             | (37.100.000.000) | -                     |
| 74.3  | 4.3 Tiền chi trả gốc nợ vay khác  |             | (37.100.000.000) | -                     |
| 76    | 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu  |             | (10.442.715.525) | -                     |
| 80    | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính  |             | (10.442.964.241) | -                     |
| 90    | IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm  |             | (18.044.460.854) | 29.655.641.177        |
| 101   | V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm   |             | 79.215.346.304   | 49.559.705.127        |
| 101.1 | - Tiền  |             | 49.315.346.304   | 14.159.705.127        |
| 101.2 | - Các khoản tương đương tiền  |             | 29.900.000.000   | 35.400.000.000        |
| 103   | VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm   |             | 61.170.885.450   | 79.215.346.304        |
| 103.1 | - Tiền  |             | 17.170.885.450   | 49.315.346.304        |
| 103.2 | - Các khoản tương đương tiền  |             | 44.000.000.000   | 29.900.000.000        |

Hải Phòng, ngày 30 tháng 3 năm 2017

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG



CHỦ TỊCH HĐQT  
TS. Vũ Dương Hiền